

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT HƯỚNG TỚI ĐÀO TẠO ĐA NGÀNH ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

• ThS. Hà Văn Sinh (*)

Tóm tắt

Cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT) là một nguồn lực quan trọng trong trường đại học, nó quyết định quy mô, vị thế, uy tín của một trường đại học, nếu không được đầu tư đầy đủ, kịp thời và không có những biện pháp quản lý phù hợp thì không thể bảo đảm chất lượng đào tạo. Đối với Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT), một trường đại học mới được chuyển sang đào tạo đa ngành từ một trường chuyên về sư phạm trước đây, việc đầu tư xây dựng phát triển, quản lý CSVCKT càng phải được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu để đề xuất một số biện pháp quản lý CSVCKT là yêu cầu cấp thiết để đưa Trường ĐHĐT phát triển thành một trường đại học đa ngành và thực hiện việc đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

Từ khóa : Cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo đa ngành, Đại học Đồng Tháp

1. Đặt vấn đề

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã chỉ rõ: “*Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành... có cơ chế chính sách gắn kết có hiệu quả trường đại học với cơ sở nghiên cứu khoa học (NCKH) và doanh nghiệp để chuyển giao kết quả NCKH và công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Thực hiện xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội, tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục*”[3].

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020, chỉ rõ mục tiêu chung đối với giáo dục đại học Việt Nam là: “*Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”[5]. Để đạt được mục tiêu to lớn này, giáo dục đại học nước nhà cần phải thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng sau đây:

Một là, hoàn chỉnh mạng lưới các trường đại học, các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc; xây dựng và hoàn thiện các giải pháp đảm bảo chất lượng giáo dục đại học,

(*) Phòng Quản trị – Xây dựng cơ bản, Trường Đại học Đồng Tháp.

triển khai chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về đổi mới công tác quản lý giáo dục (QLGD) đại học; tăng cường đầu tư xây dựng CSVCKT và hạ tầng kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục đại học; xây dựng một số cơ sở dùng chung dữ liệu quốc gia, thư viện điện tử, phòng thí nghiệm, ký túc xá và các cơ sở văn hóa, thể thao. Dành quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục đại học theo hướng hiện đại, đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

Hai là, khuyến khích các tổ chức doanh nghiệp đầu tư các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, dịch vụ sản xuất, kinh doanh.

Ba là, xây dựng chính sách học phí, đổi mới chính sách tài chính giao quyền tự chủ cho các trường đại học. Nhà nước tiếp tục tăng nguồn đầu tư ngân sách cho giáo dục đại học, trong đó đặc biệt quan tâm đến tỉ trọng đầu tư phát triển cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo cho các trường đại học, cao đẳng theo định mức trên một sinh viên.

Thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam từ nay đến năm 2020. Xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa (CNH-HĐH) và hội nhập quốc tế; xuất phát từ thực trạng phát triển giáo dục đại học Việt Nam sau những năm đổi mới, xu thế phát triển giáo dục đại học thế giới và khu vực; xuất phát từ yêu cầu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội... Bộ GD&ĐT đã có nhiều nghị quyết và chương trình hành động về tăng cường công tác QLGD đại học. Đặc biệt, Nghị quyết số 05/NQ-BCSĐ ngày 06/01/2010 của Ban cán sự Đảng Bộ GD&ĐT về đổi mới QLGD đại học giai đoạn 2010 – 2012 nhằm triển khai và tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW2 (khóa 8) về phương hướng phát triển GD&ĐT đến năm 2020, với các nội dung chính sau: Đánh giá thực trạng QLGD đại học trong những năm qua; Rà soát lại các chỉ tiêu phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2010 – 2020; Tổ chức thảo luận trong toàn ngành và xã hội: *“làm gì để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo”* *“làm gì để đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội”* nhằm tìm ra những giải pháp cơ bản để đổi mới giáo dục đại học Việt Nam. Trên cơ sở đó, Bộ GD&ĐT đã tổ chức triển khai thực hiện chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-BCSĐ về đổi mới QLGD đại học Việt Nam từ nay đến 2020.

Trường ĐHTT là một trường đại học công lập trực thuộc Bộ GD&ĐT ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, được thành lập và đổi tên trên cơ sở Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Đồng Tháp theo Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04/9/2008 của Văn phòng Chính phủ. Trường ĐHTT đang phấn đấu xây dựng để trở thành một trường đại học đa ngành mạnh của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó ngành Sư phạm chiếm 40%), để đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, tăng cường đầu tư để phát triển CSVCKT và nâng cao năng lực quản lý CSVCKT là những vấn đề cấp thiết đặt ra cho Trường ĐHTT trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh việc đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý và chương trình đào tạo.

Thực trạng đầu tư và quản lý CSVCKT nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển theo hướng đào tạo đa ngành và đáp ứng yêu cầu xã hội ở Trường ĐHĐT trong những năm qua vẫn còn những bất cập cần phải giải quyết như: giữa yêu cầu phát triển từ chỗ chỉ đào tạo ngành sư phạm sang đào tạo đa ngành với thực trạng đầu tư và quản lý CSVCKT; giữa yêu cầu đổi mới QLGD đại học Việt Nam với thực trạng đầu tư và quản lý CSVCKT; giữa yêu cầu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội với thực trạng đầu tư và quản lý CSVCKT. Những bất cập này cần phải giải quyết, khắc phục ngay mới có thể nhanh chóng đưa Trường ĐHĐT phát triển thành một trung tâm đào tạo đại học đa ngành có chất lượng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Chính vì vậy, chúng tôi nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp quản lý CSVCKT hướng tới đào tạo đa ngành và đáp ứng nhu cầu xã hội ở Trường ĐHĐT trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng và một số biện pháp quản lý CSVCKT ở Trường ĐHĐT

2.1.1. Trường ĐHSP Đồng Tháp và sự ra đời của Trường ĐHĐT

Ngày 10/01/2003, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp; Ngày 07/02/2007, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký Quyết định số 692/QĐ-BGDĐT phê duyệt “Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSP Đồng Tháp đến năm 2020”. Ngày 04/9/2008, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 5830/VPCP-KGVX về việc đổi tên Trường ĐHSP Đồng Tháp thành Trường ĐHĐT. Việc đổi tên Trường ĐHSP Đồng Tháp thành Trường ĐHĐT là đáp ứng nhu cầu phát triển tất yếu của Trường trong quá trình đào tạo đa ngành, phù hợp với thực tiễn khách quan, nhằm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội tỉnh Đồng Tháp và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trường ĐHĐT là cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng. Trụ sở chính của Trường đặt tại số 783 đường Phạm Hữu Lầu, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.1.2. Thực trạng CSVCKT và quản lý CSVCKT

a. Thực trạng CSVCKT

CSVCKT của Trường ĐHĐT bao gồm: kiến trúc quy hoạch, hệ thống hạ tầng (đất đai, nhà cửa, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống thông tin...), trang thiết bị phương tiện phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường (bàn ghế, bảng, tủ, giá sách, máy móc, thiết bị dạy học, thiết bị thí nghiệm, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải...). Căn cứ vào yêu cầu sử dụng, khả năng tài chính và tiêu chuẩn quy định về CSVCKT của các trường đại học, trong những năm qua, Trường ĐHĐT đã cố gắng tập trung đầu tư để thực hiện việc xây dựng và phát triển CSVCKT đáp ứng yêu cầu phát triển đào tạo đa ngành. Công tác quản lý CSVCKT của Trường cũng được quan tâm phát triển theo tiêu chí đó.

- *Thực trạng quản lý quy hoạch mở rộng Trường ĐHĐT*: ngay từ khi mới được thành lập, dưới sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành chức năng của tỉnh Đồng Tháp, Trường ĐHĐT đã triển khai việc lập đề án Quy hoạch phát triển tổng thể đến năm 2020 và đã được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt theo Quyết định số 692/QĐ-BGDĐT, ngày 07/02/2007. Theo đó, ngoài cơ sở hiện nay, còn mở rộng thêm cơ sở mới với diện tích 36,68 ha với các thông số quy hoạch như sau:

Diện tích dành cho khu học tập, thực hành	13,70 ha
Diện tích dành cho các đơn vị phục vụ đào tạo	1,50 ha
Diện tích dành cho thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng, vườn, xưởng, trại thực hành	7,40 ha
Diện tích trường thực hành, trường chuyên	1,50 ha
Diện tích dành cho giao thông, quảng trường, cây xanh	8,00 ha
Diện tích đất dự trữ phát triển	4,58 ha

- *Thực trạng xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật*: công tác xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật của Trường ĐHĐT có thể chia thành 2 giai đoạn như sau:

+ *Giai đoạn I (2003 – 2010)*: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở của trường cao đẳng sư phạm để đáp ứng được yêu cầu ban đầu của một trường đại học; đồng thời qui hoạch mở rộng và chuẩn bị đầu tư xây dựng mới cơ sở đào tạo đại học hiện đại theo tiêu chuẩn.

Cơ sở hiện nay mà Trường ĐHĐT quản lý sử dụng là cơ sở cũ của Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp, có diện tích qui hoạch là 128.820m². Tuy nhiên, do khó khăn trong công tác đền bù giải tỏa nên nay (sau 15 năm, kể từ 1997), diện tích qui hoạch được điều chỉnh theo hướng thu hẹp chỉ còn lại 105.820m² và trên thực tế Trường chỉ mới được quản lý và khai thác sử dụng 83.820m², còn lại 22.000m² đang trong quá trình chờ đền bù giải phóng mặt bằng, đây là khó khăn lớn đối với Nhà trường, rất cần sự hỗ trợ tích cực của các ngành chức năng tỉnh Đồng Tháp.

Về CSVCKT hiện có chủ yếu vẫn là cơ sở vật chất được đầu tư cho Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp, đặc biệt là các công trình xây dựng cơ bản. Kể từ khi thành lập đến nay (01/2003), Trường ĐHĐT chỉ mới được đầu tư xây dựng một tòa nhà 5 tầng (40 phòng học) và một tòa nhà 4 tầng (12 phòng học bộ môn), còn lại chỉ là việc cải tạo, sửa chữa để chống xuống cấp và nâng cấp cho phù hợp với yêu cầu mới. Về trang thiết bị, kể từ khi thành lập đến nay được sự quan tâm đầu tư của Bộ GD&ĐT từ nguồn ngân sách Nhà nước, các chương trình mục tiêu, các dự án... Trường ĐHĐT đã đầu tư và hiện đại hóa các phòng thí nghiệm, các thiết bị nghiên cứu và hệ thống thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đào tạo và NCKH. Theo số liệu thống kê, kể từ 2003 đến nay ngân sách đầu tư cho thiết bị như sau (*xem bảng 1*):

Bảng 1. Tình hình đầu tư ngân sách cho thiết bị từ 2003 đến nay

TT	Nội dung đầu tư	Số lượng (Phòng)	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Phòng thực hành máy tính	13	5.528.308.748	Đang sử dụng có hiệu quả
2	Phòng thí nghiệm vật lý - KTCN	6	2.841.846.779	
3	Phòng thí nghiệm hóa học	4	2.709.918.046	
4	Phòng thí nghiệm sinh học	3	2.389.628.360	
5	Phòng đo đạc và thí nghiệm đất	1	1.008.003.000	
6	Phòng thực hành âm nhạc, múa	5	842.752.000	
7	Phòng thực hành ngoại ngữ	2	3.220.064.082	
8	Dự án Giáo dục đại học 2 (2011 - 2012) đầu tư	2 năm	10.707.021.061	
9	Chương trình mục tiêu (2011-2012) đầu tư	2 năm	7.017.900.867	
	TỔNG CỘNG		36.265.442.943	

(Nguồn: Phòng Thiết bị-Công nghệ, Quản trị-Xây dựng cơ bản và Tài chính-Kế toán)

Việc qui hoạch mở rộng được quan tâm triển khai ngay sau khi có quyết định thành lập Trường, tuy nhiên do khó khăn về vốn nên đến thời điểm hiện nay cũng chỉ mới thực hiện được một số phần việc nhất định: Lập qui hoạch chi tiết 1/500, phân khu chức năng sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, điện, cấp thoát nước, môi trường...; Thiết kế cơ sở tòa nhà hành chính của Trường; Khoan thăm dò địa chất công trình; Lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư.

+ *Giai đoạn II (2010 – 2020) và những năm tiếp theo*: tiếp tục cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và hoàn thiện CSVCKT ở cơ sở 1; từng bước triển khai thực hiện đề án qui hoạch phát triển tổng thể ở cơ sở mới. Nội dung cụ thể của dự án ở giai đoạn này có thể tóm tắt như sau:

Ở cơ sở hiện nay: tiếp tục cải tạo, sửa chữa các cơ sở hiện có được xây dựng từ những năm 2000 trở về trước để chống xuống cấp và nâng cấp cho phù hợp với yêu cầu sử dụng mới; triển khai xây dựng dự án Nhà học thí nghiệm và dự án Nhà hỗ trợ dạy - học với tổng diện tích xây dựng khoảng 10.000m².

Ở cơ sở mới: hoàn thành việc đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư để thu hồi đất; lập dự án, thiết kế KTTC để triển khai thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, giao thông, điện, cấp thoát nước, cống, hàng rào; đồng thời lập thiết kế KTTC, tổng dự toán để thi công tòa nhà làm việc Hiệu bộ và các phòng ban, khoa; phân khu chức năng sử dụng đất, thiết kế và thi công các khu học tập và phục vụ...

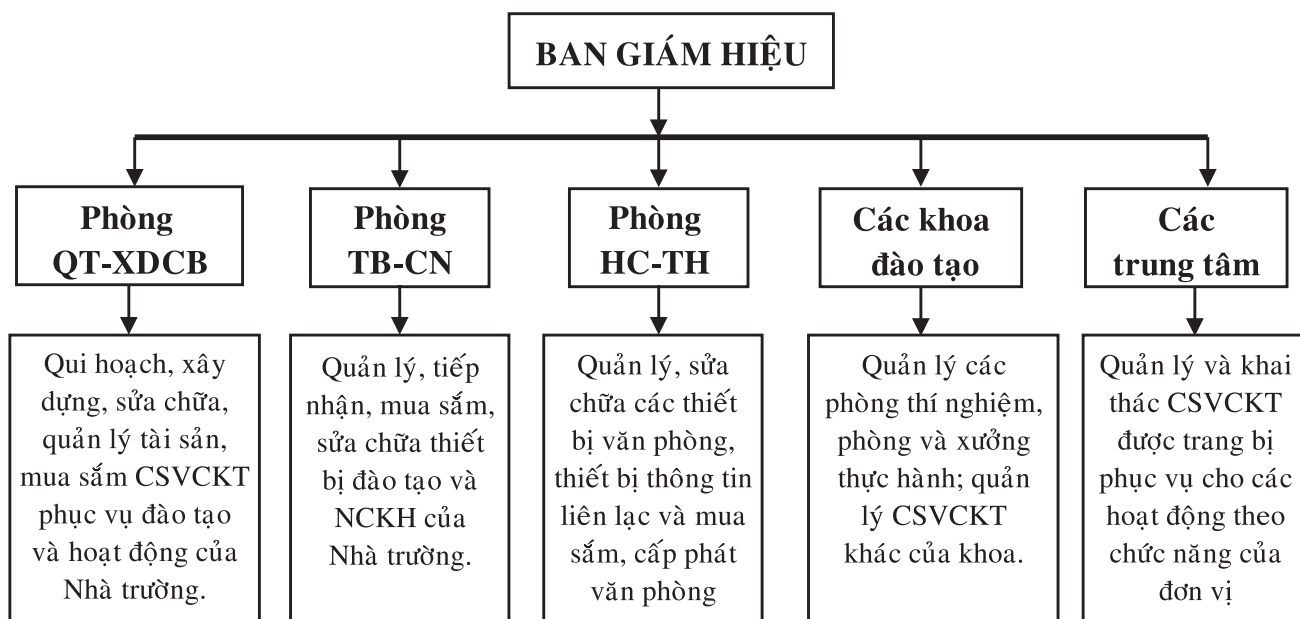
Mục tiêu phấn đấu của Nhà trường là hoàn chỉnh các hạng mục công trình theo tiêu chuẩn

quốc gia và quốc tế, đảm bảo diện tích xây dựng theo tiêu chuẩn Việt Nam là $6m^2/1$ sinh viên, đủ phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, phòng tin học, thư viện điện tử, khu làm việc, nhà ăn, câu lạc bộ, nhà thi đấu, bể bơi... để đảm bảo các yêu cầu của đào tạo, NCKH và các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh – sinh viên (HS – SV) và cán bộ giảng viên (CBGV).

b. Bộ máy và cơ cấu cán bộ quản lý CSVCKT

Bộ máy tổ chức quản lý Trường ĐHTT được phân cấp theo mô hình 3 cấp: cấp trường (Ban giám hiệu); cấp phòng, ban, khoa, viện, trung tâm và tổ trực thuộc (nếu có); cấp bộ môn (đối với các khoa). Vì thế, công tác tổ chức quản lý CSVCKT của Nhà trường cũng áp dụng và vận hành theo sự phân cấp đó. Trong đó, cấp trường do đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách về CSVK chịu trách nhiệm; cấp phòng, ban, khoa thì theo chức năng nhiệm vụ, việc quản lý CSVCKT vừa có tính chuyên trách (do các đơn vị chức năng quản lý bao gồm phòng Quản trị - Xây dựng cơ bản, phòng Phòng Thiết bị - Công nghệ, phòng Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm), vừa có tính kiêm nhiệm (các đơn vị quản lý những CSVCKT phục vụ cho mảng hoạt động theo chức năng của đơn vị mình, các khoa, các phòng ban chức năng; cấp bộ môn quản lý CSVCKT, thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH ở bộ môn do mình phụ trách.

Tùy theo từng thời kỳ, tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý CSVCKT có những thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu quản lý CSVCKT và nhằm phục vụ tốt các hoạt động của Nhà trường. Tuy nhiên mô hình quản lý theo 3 cấp vẫn được bảo đảm, mỗi đơn vị chức năng được phân công theo từng lĩnh vực, từng chuyên ngành riêng (*xem sơ đồ 1*).



Sơ đồ 1. Mô hình quản lý CSVCKT tại Trường ĐHTT

Việc đầu tư xây dựng phát triển và quản lý CSVCKT ở Trường ĐHĐT trong những năm qua đã đạt được những kết quả ban đầu quan trọng, đáp ứng được yêu cầu phát triển đào tạo đa ngành và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo đại học. Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch chiến lược phát triển, trong đó có kế hoạch phát triển CSVCKT. Đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành CSVCKT đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng được yêu cầu phát triển đào tạo đa ngành của Nhà trường.

Tuy nhiên, công tác quản lý CSVCKT vẫn còn những hạn chế nhất định, mức độ đầu tư cho việc xây dựng cơ bản và hạ tầng kỹ thuật đạt tỉ lệ thấp. Việc đầu tư cho thiết bị đào tạo tuy đã được chú ý nhưng chưa đồng bộ và chưa kịp thời, thiết bị đầu tư chưa thật hiện đại. Công tác xây dựng qui trình quản lý, sử dụng; qui chế hoạt động của các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng trường... chưa đầy đủ và chặt chẽ; việc đầu tư mua sắm, phân bổ chỉ tiêu, kế hoạch... còn nhiều bất cập. Đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành CSVCKT còn có những hạn chế về kiến thức chuyên sâu ở lĩnh vực mà mình quản lý, kiến thức về quản lý dự án đầu tư, đấu thầu còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc quản lý, khai thác các dự án; việc tổ chức khai thác các nguồn lực về CSVCKT của Nhà trường chưa phát huy hết hiệu quả, gây ra những lãng phí vô hình trong quản lý nguồn lực CSVCKT.

Vì vậy, yêu cầu cấp bách hiện nay là phải tìm ra những giải pháp quản lý CSVCKT nhằm khắc phục những bất cập, mâu thuẫn trong việc quản lý CSVCKT đáp ứng yêu cầu phát triển đào tạo đa ngành, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội ở Trường ĐHĐT.

2.1.3. Một số biện pháp quản lý CSVCKT trong giai đoạn hiện nay

a. Định hướng quản lý CSVCKT giai đoạn 2010 – 2020 và những năm tiếp theo

Đề án qui hoạch phát triển tổng thể đến năm 2020, xác định mục tiêu xây dựng Trường ĐHSP Đồng Tháp (nay là Trường ĐHĐT) thành một trường đại học đa ngành mạnh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó Sư phạm chiếm 40%). Muốn vậy, đến năm 2020 chúng ta phải hoàn thành dự án đầu tư xây dựng mở rộng và phát triển Trường ĐHĐT. Vì vậy, công tác quản lý CSVCKT của Nhà trường phải tiếp tục được nâng cao và được đầu tư trên mọi lĩnh vực. Thứ nhất, số cán bộ quản lý, phục vụ sẽ phải tăng cả về số lượng và chất lượng; cán bộ quản lý CSVCKT phải có chuyên môn, nghiệp vụ và được bố trí phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đã được đào tạo, nhằm bảo đảm tính chuyên nghiệp, chuyên sâu trong quản lý, phục vụ. Thứ hai, trang bị máy móc, thiết bị hiện đại tại các phòng thí nghiệm, phòng thực hành cho các ngành khoa học cơ bản, đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm nghiên cứu chuyên sâu cho các bộ môn mũi nhọn, xây dựng xong thư viện điện tử. Thứ ba, nghiên cứu áp dụng phần mềm quản lý CSVCKT.

Quản lý CSVCKT phục vụ giáo dục đào tạo, đáp ứng các điều kiện học tập, rèn luyện của sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đào tạo đa ngành, đáp ứng nhu cầu xã hội ở Trường ĐHĐT là nhiệm vụ và trách nhiệm của mọi thành viên trong tập thể Nhà trường, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý CSVCKT theo chức năng và sự phân công của Nhà trường.

b. Một số biện pháp quản lý CSVCKT

- Các căn cứ để xây dựng biện pháp: Căn cứ vào nhu cầu và xu hướng phát triển của công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội; Căn cứ vào quy định về CSVCKT cho các trường đại học của Bộ GD&ĐT; Căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển giáo dục Đại học giai đoạn 2010 – 2020; Căn cứ vào yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Căn cứ thực trạng quản lý, phát triển CSVCKT và chiến lược phát triển của Trường ĐHTT giai đoạn 2010 – 2020.

- Một số biện pháp đề xuất:

+ **Biện pháp 1:** *Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBGV, HS - SV và đội ngũ cán bộ quản lý CSVCKT về công tác quản lý CSVCKT đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành ở Trường ĐHTT.* Mục đích của biện pháp là làm cho CBGV, HS - SV và những người trực tiếp làm công tác quản lý CSVCKT hiểu rõ tầm quan trọng và có những hiểu biết cần thiết về công tác quản lý CSVCKT trong trường đại học để phục vụ và đảm bảo chất lượng đào tạo. Để thực hiện biện pháp này, cần phải có hệ thống các văn bản, tài liệu, sách báo chuyên san nghiên cứu, qui định về công tác quản lý, sử dụng và đầu tư phát triển CSVCKT; phải xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức cho CBGV, HS - SV. Lãnh đạo Nhà trường, các đơn vị chức năng làm công tác quản lý CSVCKT phải là người đi đầu, gương mẫu trong nhận thức và hành động, tạo điều kiện tốt nhất cho mọi thành viên, mọi đơn vị tham gia vào quá trình quản lý và giám sát quá trình quản lý, sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng CSVCKT trong hoạt động đào tạo của Nhà trường.

+ **Biện pháp 2:** *Kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ quản lý CSVCKT của Nhà trường.* Mục đích của biện pháp này là xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ phục vụ làm công tác quản lý CSVCKT có nhận thức đúng và có đầy đủ năng lực, phẩm chất để đảm đương nhiệm vụ phát triển, quản lý và khai thác sử dụng nguồn lực CSVCKT phục vụ cho hoạt động của Nhà trường. Muốn vậy phải tăng cường công tác tổ chức, sắp xếp bổ sung cán bộ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật từ cấp trường cho đến các đơn vị chuyên trách, các đơn vị sử dụng, đảm bảo các bộ phận, các chuyên ngành đều có cán bộ có đủ khả năng tiếp nhận, quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả CSVCKT, các trang thiết bị, máy móc hiện đại. Tạo điều kiện về mặt tài chính, nhân sự để lực lượng cán bộ chuyên trách được học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về công tác quản lý, phát triển CSVCKT.

+ **Biện pháp 3:** *Đầu tư xây dựng, phát triển CSVCKT có trọng tâm, trọng điểm cho các bộ môn, các ngành đào tạo một cách hợp lý, đúng tiêu chuẩn, đúng qui định.* Mục đích của biện pháp là trên cơ sở điều kiện CSVCKT của Nhà trường để bố trí hợp lý, khoa học nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tạo điều kiện thuận lợi cho các tập thể, cá nhân trong quá trình quản lý, khai thác sử dụng CSVCKT góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, giảm tỷ lệ lãng phí tiêu hao, không đúng mục đích, yêu cầu trong đầu tư, mua sắm, xây dựng CSVCKT. Để tổ chức thực hiện biện pháp, trước hết phải bố trí quản lý sử dụng CSVCKT của Nhà trường hợp lý, khoa học tương xứng với khả năng và quá trình phát triển đào tạo,

NCKH của trường, tránh sử dụng CSVCKT lãng phí, không hiệu quả; Đảm bảo cho các đơn vị chức năng, các đơn vị đào tạo và phục vụ có điều kiện về CSVCKT đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH, từng bước khắc phục những bất hợp lý trong quản lý, sử dụng CSVCKT của các đơn vị, cá nhân trong trường; Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp CSVCKT cũ để chống xuống cấp; đầu tư xây dựng, phát triển CSVCKT mới khang trang, hiện đại.

+ **Biện pháp 4:** *Xây dựng và tổ chức thực hiện qui trình đầu tư phát triển và quản lý CSVCKT.* Mục đích của biện pháp là xây dựng hệ thống các qui trình đầu tư phát triển và quản lý CSVCKT để áp dụng trong quá trình quản lý CSVCKT ở Trường ĐHT. Trên cơ sở những qui định pháp qui trong lĩnh vực đầu tư của Nhà nước và thực trạng quản lý CSVCKT ở Trường ĐHT để xây dựng qui trình quản lý CSVCKT từ khâu lập kế hoạch, triển khai kế hoạch, lập dự toán đầu tư, thẩm định giá, chọn nhà thầu, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, đưa vào sử dụng, bảo hành, bảo trì, sửa chữa,...; Xây dựng hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng, hiệu quả trong quản lý, phát triển CSVCKT theo hệ thống tiêu chuẩn chất lượng để xây dựng, phát triển CSVCKT đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Trường; Triển khai thực hiện quản lý và sử dụng CSVCKT theo hệ thống các qui trình đã ban hành.

+ **Biện pháp 5:** *Phân cấp quản lý CSVCKT cho các khoa, các trung tâm và trường thực hành.* Mục đích của biện pháp là tăng cường hơn ý thức trách nhiệm trong quản lý, sử dụng CSVCKT của các đơn vị trực tiếp khai thác, sử dụng CSVCKT trong hoạt động đào tạo, NCKH của Nhà trường. Ngoài các đơn vị làm công tác quản lý CSVCKT của Nhà trường theo chức năng, cần phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc Trường ĐHT một cách cụ thể, đầy đủ để các đơn vị chủ động trong việc quản lý, sử dụng CSVCKT phục vụ cho các hoạt động của đơn vị mình; Tăng cường phân cấp quản lý, tự chịu trách nhiệm cho các khoa, các đơn vị, các trung tâm; Tổ chức rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị để điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho rõ ràng, cụ thể và phù hợp với từng đơn vị; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý và sử dụng CSVCKT của các đơn vị để kịp thời phát hiện và điều chỉnh ngay những tồn tại, bất cập, sai sót trong quản lý, điều hành.

+ **Biện pháp 6:** *Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng CSVCKT.* Mục đích của biện pháp là tăng cường sự giám sát quản lý và khai thác sử dụng CSVCKT nhằm phục vụ đào tạo, NCKH hiệu quả hơn. Xây dựng và vận hành cơ chế phối hợp giữa các đơn vị có chức năng quản lý, phát triển CSVCKT với các đơn vị quản lý sử dụng CSVCKT; Xác định và phân định rõ trách nhiệm của từng đơn vị; Thường xuyên kiểm tra giám sát các đơn vị theo chức năng đã được phân định, để kịp thời phát hiện những vướng mắc, chông chéo hoặc bỏ sót công việc để kịp thời khắc phục, điều chỉnh.

+ **Biện pháp 7:** *Xây dựng thư viện điện tử, nghiên cứu áp dụng phần mềm quản lý CSVCKT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.* Mục đích của biện pháp là tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý CSVCKT phục vụ đào tạo, NCKH; Tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV và HS-SV trong việc khai thác, sử dụng CSVCKT, thư viện; Áp dụng quy trình quản lý CSVCKT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiến tới tiêu chuẩn hóa công tác quản lý CSVCKT của Nhà trường, từng bước công khai các tiêu chí đào tạo mà Bộ GD&ĐT đã qui định. Muốn

vậy, chúng ta cần phải xây dựng kế hoạch và triển khai đầu tư CSVCKT và phần mềm quản lý CSVCKT, quản lý thư viện điện tử theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; Kiểm tra, rà soát lại nhân sự làm công tác quản lý CSVCKT, nhân sự của thư viện để lên kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn việc sử dụng phần mềm quản lý CSVCKT, quản lý thư viện theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; Đầu tư kinh phí, bố trí nhân lực, lắp đặt thiết bị, phương tiện cho công tác xây dựng thư viện điện tử; Xây dựng các nội dung của qui trình quản lý CSVCKT, quản lý thư viện điện tử.

+ **Biện pháp 8:** *Tổ chức khai thác các nguồn lực (vốn, con người, công nghệ, thiết bị,...) từ các dự án, các chương trình hợp tác, tài trợ... để phát triển và quản lý CSVCKT của Nhà trường theo hướng xã hội hóa giáo dục.* Mục đích của biện pháp này là nhằm tranh thủ khai thác các nguồn lực về vốn, con người, CSVCKT, công nghệ, thiết bị, kinh nghiệm quản lý... của các tổ chức, đơn vị thông qua các dự án, các chương trình hợp tác, tài trợ để xây dựng, phát triển và quản lý CSVCKT của Nhà trường. Vì vậy, Nhà trường cần xây dựng các dự án, chương trình phát triển, tìm cách tiếp cận để được tham gia các dự án, chương trình hợp tác, tài trợ để thu hút nguồn đầu tư nhằm phát triển CSVCKT cho Nhà trường; Xin phép và xây dựng cơ chế huy động, sử dụng các nguồn vốn, nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển CSVCKT của Nhà trường.

3. Kết luận

Trên đây là một số biện pháp mà chúng tôi nghiên cứu, đề xuất từ việc áp dụng cơ sở lý luận vào thực trạng quản lý CSVCKT ở Trường ĐHTT trong những năm qua, với mong muốn việc quản lý CSVCKT ở Trường ngày một tốt hơn. Tuy nhiên, đây chỉ mới là những kết quả nghiên cứu bước đầu, trong quá trình triển khai áp dụng cần phải tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện, điều chỉnh để có được những biện pháp phù hợp hơn với thực tiễn, nhằm quản lý tốt và mang lại hiệu quả cao nhất của CSVCKT phục vụ cho hoạt động giáo dục, đào tạo vì sự phát triển của Trường ĐHTT.

Xây dựng, phát triển và quản lý tốt CSVCKT không chỉ đáp ứng yêu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH mà còn góp phần khẳng định năng lực đào tạo, vị thế, uy tín của Trường ĐHTT, từng bước xây dựng thương hiệu Trường ĐHTT trong hệ thống các trường đại học Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ GD&ĐT (2010), *Báo cáo đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo các trường đại học, cao đẳng công lập*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2]. Bộ GD&ĐT (2010), *Tài liệu Hội nghị triển khai chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình hành động của Bộ GD&ĐT về đổi mới QLGD đại học giai đoạn 2010-2012*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Đảng CSVN (2006), *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Nghị quyết Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2005 về đổi mới toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020

[5]. Hà Văn Sinh (2007), *Các biện pháp quản lý phương tiện dạy học ở Trường ĐHSP Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ QLGD, Trường ĐHSP, Đại học Huế

[6]. Trường ĐHSP Đồng Tháp (4/2006), “*Đề án qui hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSP Đồng Tháp đến năm 2020*”.

Summary

Technical facilities of a university is an important resource determining its training scale, prestige and position in higher education system. Lacking timely sufficient investment and appropriate management measures, the training quality of a university can hardly be assured. Hence, since Dong Thap University was upgraded to be a multidisciplinary university from a pedagogical college, priority to investment for developing and managing technical facilities has always been given. This research aims to propose measures to manage technical facilities – one of the key factors to affirm Dong Thap Universty as a multidisciplinary university and to enhance training activities to meet the demands of the society.

Ngày nhận bài: 25/7/2013; ngày nhận đăng: 28/10/2013.